

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 30
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là **111.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Thông tin về Công ty con: Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012, Công ty thực hiện thanh lý công ty con là Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2012
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Âu Thiên Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Âu Thiên Hương

Số :/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng: Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất cáp có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 20.339.844.894 đồng và 10.006.958.002 đồng đã ngừng hoạt động và hiện không còn phát huy hiệu quả.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.203.985.245	26.497.483.966
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.041.550.842	833.966.066
1.	Tiền	111	V.01	2.041.550.842	833.966.066
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	28.306.000.000	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		28.306.000.000	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.558.831.795	7.296.067.263
1.	Phải thu khách hàng	131		2.434.710.230	3.707.827.566
2.	Trả trước cho người bán	132	V.03	20.029.085.000	4.359.801.079
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.009.161.166	4.084.281.087
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.05	(6.914.124.601)	(4.855.842.469)
IV.	Hàng tồn kho	140		32.702.328.245	16.580.725.234
1.	Hàng tồn kho	141	V.06	34.924.424.957	23.163.126.671
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.07	(2.222.096.712)	(6.582.401.437)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.595.274.363	1.786.725.403
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.205.223
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.058.429.628	514.448.611
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	-	163.581.600
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		536.844.735	1.067.489.969

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.192.572.624	116.219.846.464
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.190.592.847	115.727.776.891
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	10.166.924.939	105.651.871.842
	- Nguyên giá	222		21.006.626.839	153.199.941.641
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.839.701.900)	(47.548.069.799)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.333.319	10.075.905.049
	- Nguyên giá	228		20.000.000	11.165.504.331
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.666.681)	(1.089.599.282)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	14.334.589	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.979.777	492.069.573
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.979.777	492.069.573
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.396.557.869	142.717.330.430

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		8.945.938.208	39.811.237.567
I.	Nợ ngắn hạn	310		8.945.938.208	21.238.973.567
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	4.544.302.841
2.	Phải trả người bán	312		2.383.225.978	7.938.522.432
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.897.177.759	4.470.303.082
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	989.414.997	33.502.087
5.	Phải trả người lao động	315		184.826.000	332.889.000
6.	Chi phí phải trả	316		55.000.000	70.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	2.223.310.593	3.636.471.244
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.982.881	212.982.881
II.	Nợ dài hạn	330		-	18.572.264.000
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.16	-	18.572.264.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.450.619.661	102.906.092.863
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	90.450.619.661	102.906.092.863
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(123.267.914.388)	(110.812.441.186)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.396.557.869	142.717.330.430

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013***Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Ánh Tuyết****Âu Thiên Hương**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	58.850.210.800	65.182.714.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	109.093.600	1.453.259.119
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	58.741.117.200	63.729.455.864
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	61.806.051.352	78.439.770.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.064.934.152)	(14.710.314.704)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	14.311.223	47.518.846
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	537.049.151	2.296.736.884
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>513.458.127</i>	<i>1.757.402.371</i>
8. Chi phí bán hàng	24		322.176.389	711.304.018
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.759.966.341	4.759.991.769
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.669.814.810)	(22.430.828.529)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	29.851.600.830	360.581.874
12. Chi phí khác	32	VI.08	53.547.011.210	13.840.712.102
13. Lợi nhuận khác	40		(23.695.410.380)	(13.480.130.228)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(35.365.225.190)	(35.910.958.757)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(35.365.225.190)	(35.910.958.757)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	(2.891.911)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(35.365.225.190)	(35.908.066.846)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	(3.186)	(3.235)

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(35.365.225.190)	(35.910.958.757)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		7.350.563.077	12.537.007.825
-	Các khoản dự phòng	03		(2.302.022.593)	8.090.292.281
-	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	468.251.428
-	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		16.033.009.226	(63.388.975)
-	Chi phí lãi vay	06		513.458.127	1.757.402.371
3.	<i>Lợi nhuận (lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(13.770.217.353)	(13.121.393.827)
-	Tăng giảm các khoản phải thu	09		(19.170.800.847)	13.577.585.165
-	Tăng giảm hàng tồn kho	10		(11.761.298.286)	11.184.530.556
-	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		78.589.591.205	(1.392.199.032)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		531.295.019	759.765.498
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(513.458.127)	(1.757.402.371)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.905.111.611	9.250.885.989
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(577.827.690)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.245.547.273	259.788.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(56.306.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.000.000.000	10.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.311.223	41.520.683
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.046.141.504)	(266.519.007)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	9.159.529.046
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.544.302.841)	(19.196.514.650)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.107.082.490)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.651.385.331)	(10.036.985.604)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.207.584.776	(1.052.618.622)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		833.966.066	1.886.584.688
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.041.550.842	833.966.066

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Thiết kế vô tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

04. Thông tin về Công ty con

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện với vốn thực góp là 20.010.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 99,99%.

Đến thời điểm 30 tháng 11 năm 2012 đã thanh lý công ty con.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	8 năm
- Phần mềm máy tính	5 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	391.599.995	34.204.447
- Tiền gửi ngân hàng	1.649.950.847	799.761.619
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>2.041.550.842</u>	<u>833.966.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Đầu tư ngắn hạn	28.306.000.000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	28.306.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư ALphanam (*)	2.306.000.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại Vật Tư Nam Hải (**)	8.355.600.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Nam Hải (**)	8.355.600.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Dung (**)	8.355.600.000	-
+ Bà Trương Cẩm Tú (**)	933.200.000	-
Cộng	28.306.000.000	-

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vay với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 04 ngày theo HĐ vay số 291212/VTTL-ALPĐT ngày 29/12/2012.

(**) Là khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2012 – HĐV ngày 29/11/2012 với tổng số tiền vay là 54.000.000.000 đồng. Đây là các đối tác nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty Cổ phần Alphanam thiết bị điện (bên vay) từ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng long (bên cho vay). Tài sản để đảm bảo khoản vay này là 5.600.000 cổ phần (tương ứng với mệnh giá là 56.000.000.000 đồng) tại Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện thuộc sở hữu của bên cho vay chuyển nhượng sang bên vay. Bên vay đã thanh toán cho Công ty (bên cho vay) lần 1 là 28.000.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 12/12/2012. Số còn lại 26.000.000.000 đồng sẽ chịu lãi suất như sau: lãi suất 0% trong thời hạn từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 09 kể từ ngày thanh toán lần 1 (ngày 12/12/2012); từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 36 kể từ ngày thanh toán lần 1, lãi suất chậm trả từ 6%/năm đến 22,5%/năm cho số tiền chậm trả thực tế tùy theo thời gian chậm trả. Kể từ ngày đầu tiên của tháng thứ 37, nếu bên vay không thanh toán một phần hoặc toàn bộ (cả gốc và lãi chậm thanh toán) nêu trên thì toàn bộ cổ phần bên cho vay chuyển nhượng cho bên vay sẽ được chuyển sở hữu sang đứng tên của bên cho vay.

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim sơn (*)	20.000.000.000	-
Các khách hàng khác	29.085.000	4.359.801.079
Cộng	20.029.085.000	4.359.801.079

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê dài hạn 02 sàn 3A và 3B tại tòa nhà SAKURA, 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội, thời hạn thuê 50 năm, trả tiền một lần, tổng diện tích 2.225.4 m2 theo 02 Hợp đồng thuê dài hạn văn phòng số 168 và 169/2012/HTKS-TL. Tổng giá trị hợp đồng là 52.000.000.000 đồng.

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Công ty CP Bao bì và DV Sam Thịnh (*)	525.756.120	-
+ Công ty CP Nhựa Sam Phú (*)	262.878.059	-
+ Công ty CP Cấp và Vật Liệu Viễn thông Sacom (*)	2.103.024.479	-
+ Công ty CP Vật liệu Điện và VT Sam Cường (*)	525.756.120	-
+ Cán bộ nhân viên (*)	920.073.210	-
+ Công ty CP Alphanam Thiết bị điện (nay là...)	1.307.082.697	-
+ Các khoản phải thu khác	364.590.481	4.084.281.087
Cộng	6.009.161.166	4.084.281.087

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Là số tiền phải thu hộ cho Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện (nay là Công ty CP EUROHA) về khoản lỗ của phân xưởng cáp quang theo Biên bản thỏa thuận số 3011/TLC-AEE ngày 30 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long và Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện nhằm tái cấu trúc tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện.

05. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho phải thu khách hàng	(1.645.728.203)	(3.707.827.566)
- Dự phòng cho khoản phải thu khác	(4.902.444.155)	(782.062.660)
- Dự phòng cho khoản tạm ứng	(365.952.243)	(365.952.243)
Cộng	<u>(6.914.124.601)</u>	<u>(4.855.842.469)</u>

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	804.823.028	8.661.007.983
- Công cụ, dụng cụ	141.953.988	371.032.994
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.519.240.505
- Thành phẩm	-	3.314.147.772
- Hàng hoá	33.977.647.941	8.297.697.417
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>34.924.424.957</u>	<u>23.163.126.671</u>

07. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	672.845.921
Hàng hóa	1.549.250.791
Cộng	<u>2.222.096.712</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	<u>6.582.401.437</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Tăng khác	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.360.304.725)
Giảm khác	-
Số cuối năm	<u>2.222.096.712</u>

08. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	163.581.600
Cộng	<u>-</u>	<u>163.581.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>43.179.206.895</i>	<i>103.290.437.305</i>	<i>1.080.873.378</i>	<i>5.352.795.492</i>	<i>296.628.571</i>	<i>153.199.941.641</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	(3.298.767.459)	5.571.876.757	-	(2.273.109.298)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(75.760.003.991)	(636.904.765)	(130.564.352)	-	(76.527.473.108)
- Giảm do thanh lý công ty con	(36.545.958.126)	(16.096.946.487)	-	(2.726.308.510)	(296.628.571)	(55.665.841.694)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>3.334.481.310</i>	<i>17.005.363.584</i>	<i>443.968.613</i>	<i>222.813.332</i>	-	<i>21.006.626.839</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.658.464.055</i>	<i>40.862.071.784</i>	<i>597.968.212</i>	<i>2.221.925.740</i>	<i>207.640.008</i>	<i>47.548.069.799</i>
- Khấu hao trong năm	835.729.626	5.903.435.195	60.319.491	270.394.899	54.381.910	7.124.261.121
- Phân loại lại khấu hao	67.059.675	621.514.693	(2.000)	(688.572.368)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(33.913.135.509)	(357.374.352)	(77.332.043)	-	(34.347.841.904)
- Giảm do thanh lý công ty con	(2.981.571.478)	(4.720.176.839)	-	(1.521.016.881)	(262.021.918)	(9.484.787.116)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.579.681.878</i>	<i>8.753.709.324</i>	<i>300.911.351</i>	<i>205.399.347</i>	-	<i>10.839.701.900</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>39.520.742.840</i>	<i>62.428.365.521</i>	<i>482.905.166</i>	<i>3.130.869.752</i>	<i>88.988.563</i>	<i>105.651.871.842</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>1.754.799.432</i>	<i>8.251.654.260</i>	<i>143.057.262</i>	<i>17.413.985</i>	-	<i>10.166.924.939</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 2.952.492.793 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	11.098.269.345	67.234.986	11.165.504.331
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm do thanh lý công ty con	(11.098.269.345)	(47.234.986)	(11.145.504.331)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	20.000.000	20.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.067.925.308	21.673.974	1.089.599.282
- Khấu hao trong năm	207.620.688	18.681.268	226.301.956
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(29.688.561)	(29.688.561)
- Giảm do thanh lý công ty con	(1.275.545.996)	-	(1.275.545.996)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	10.666.681	10.666.681
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	10.030.344.037	45.561.012	10.075.905.049
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	9.333.319	9.333.319

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa nhà Dương Nội	14.334.589	-
Cộng	14.334.589	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	1.979.777	286.071.667
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	82.981.568
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	123.016.338
Cộng	1.979.777	492.069.573

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vay ngắn hạn</i>	-	4.544.302.841
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.544.302.841
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
Cộng	-	4.544.302.841

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	470.017.505	-
- Thuế thu nhập cá nhân	45.983.097	33.502.087
- Các loại thuế khác	106.472.251	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	366.942.144	-
Cộng	989.414.997	33.502.087

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	21.427.071	41.073.720
- Bảo hiểm xã hội	-	20.119.128
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	313.512
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.000.000	230.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.971.883.522	3.344.964.884
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>1.895.900.346</i>	<i>3.002.982.836</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>75.983.176</i>	<i>341.982.048</i>
Cộng	2.223.310.593	3.636.471.244

16. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận vốn góp của hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	18.572.264.000
- Phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	-	18.572.264.000

(*): Đây là các khoản tiền nhận vốn góp đầu tư vào dây chuyền sản xuất sợi cáp quang theo hợp đồng số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty TNHH Cáp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện) và Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông Sacom (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom). Giảm là do đã thực hiện trừ vào số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2012 từ phân xưởng sản xuất cáp quang phân chia cho các bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(74.904.374.340)	138.814.159.709
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(35.908.066.846)	(35.908.066.846)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(110.812.441.186)	102.906.092.863
Số dư đầu năm nay	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(110.812.441.186)	102.906.092.863
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(35.365.225.190)	(35.365.225.190)
- Tăng khác (*)	-	-	-	22.909.751.988	22.909.751.988
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(123.267.914.388)	90.450.619.661

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tăng do phân chia lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2012 của phân xưởng sản xuất sợi cáp quang cho các bên góp vốn dựa trên Biên bản họp cổ đông phân xưởng sản xuất cáp quang thuộc Công ty Cổ phần Alphanam thiết bị điện ngày 30 tháng 9 năm 2011 về việc giải thể, xử lý tài chính và các vấn đề có liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư Phân xưởng sản xuất cáp quang số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 và báo cáo tài chính của phân xưởng cáp quang đến ngày 30 tháng 11 năm 2012 đã được kiểm toán. Cụ thể: số lỗ lũy kế đến 30 tháng 11 năm 2012 của phân xưởng sản xuất cáp quang là 34.511.229.498 đồng, phân chia theo tỷ lệ góp vốn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số lỗ phân chia	Số giảm trừ vào vốn đã góp	Số phải thu của các bên
Số lỗ chia cho các bên tham gia góp vốn	22.909.751.988	18.572.264.000	4.337.487.988
+ Công ty CP Cáp và Vật liệu Viễn thông Sacom	11.038.500.479	8.935.476.000	2.103.024.479
+ Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	1.381.967.059	1.119.089.000	262.878.059
+ Công ty CP Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	2.766.436.120	2.240.680.000	525.756.120
+ Công ty CP Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	2.766.575.120	2.240.819.000	525.756.120
+ Cán bộ công nhân viên	4.956.273.210	4.036.200.000	920.073.210
Số lỗ phân bổ cho Công ty CP Alphanam Thiết bị điện	11.601.477.510	-	-
Cộng	34.511.229.498	18.572.264.000	4.337.487.988

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	111.000.000.000
Cộng	111.000.000.000	111.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>11.718.534.049</u>	<u>11.718.534.049</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	56.567.759.006	28.746.711.442
- Doanh thu bán thành phẩm	2.230.175.994	36.052.300.923
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.275.800	383.702.618
Cộng	<u>58.850.210.800</u>	<u>65.182.714.983</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	109.093.600	1.453.259.119
Cộng	<u>109.093.600</u>	<u>1.453.259.119</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	56.458.665.406	28.746.711.442
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.230.175.994	34.599.041.804
- Doanh thu thuần dịch vụ	52.275.800	383.702.618
Cộng	<u>58.741.117.200</u>	<u>63.729.455.864</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	60.855.911.497	34.708.681.499
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.258.168.780	36.957.557.498
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.275.800	191.130.134
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.360.304.725)	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	6.582.401.437
Cộng	<u>61.806.051.352</u>	<u>78.439.770.568</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.311.223	41.520.683
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.998.163
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>14.311.223</u>	<u>47.518.846</u>

06. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	513.458.127	1.757.402.371
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.299.357	71.083.085
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	468.251.428
- Chi phí tài chính khác	13.291.667	-
Cộng	<u>537.049.151</u>	<u>2.296.736.884</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	26.132.310.756	259.788.000
- Thu khác	3.719.290.074	100.793.874
Cộng	<u>29.851.600.830</u>	<u>360.581.874</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	42.179.731.204	237.919.708
- Khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	7.335.486.178	10.536.339.727
- Chi phí phạt thuế	511.267.938	-
- Chi phí khác	3.520.525.890	3.066.452.667
Cộng	<u>53.547.011.210</u>	<u>13.840.712.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(35.365.225.190)	(35.908.066.846)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(35.365.225.190)	(35.908.066.846)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.186)	(3.235)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	26.338.668.663
- Chi phí nhân công	2.088.201.947	6.427.929.735
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.076.899	2.000.668.098
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	488.349.460	3.921.415.750
- Chi phí khác bằng tiền	4.993.289.065	3.189.127.739
Cộng	7.584.917.371	41.877.809.985

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Alphanam Cơ điện	Là cổ đông chiếm 9,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long
Công ty CP Đầu tư Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty CP Hùng tiến Kim Sơn	Công ty trong cùng hệ thống

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Alphanam Cơ điện		
Bán hàng hóa	164.322.241	58.752.000
Mua hàng hóa	2.237.400	9.569.298.037
Vay tiền	3.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	14.620.834	-
Công ty CP Đầu tư Alphanam		
Cho vay	2.306.000.000	-
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn		
Ứng trước tiền	20.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Alphanam Cơ điện		
Phải thu khách hàng	-	10.454.125
Trả trước cho người bán	-	3.696.432
Công ty CP Đầu tư Alphanam		
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	2.306.000.000	-
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn		
Trả trước cho người bán	20.000.000.000	
Cộng nợ phải thu	<u>20.306.000.000</u>	<u>14.423.557</u>
Công ty CP Alphanam Cơ điện		
Người mua trả tiền trước	2.835.677.759	-
Phải trả người bán	2.237.400	-
Cộng nợ phải trả	<u>2.837.915.159</u>	<u>-</u>

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.230.175.994	56.510.941.206	58.741.117.200
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	5.398.929.420	65.012.002.591	70.410.932.010
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(3.168.753.426)	(8.501.061.385)	(11.669.814.810)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	297.679.660	7.542.973.213	7.840.652.873
Số dư cuối năm			
Tài sản bộ phận	10.954.333.982	58.094.673.045	69.049.007.027
Tài sản không phân bổ			30.347.550.842
Tổng tài sản	10.954.333.982	58.094.673.045	99.396.557.869
Nợ phải trả bộ phận		8.732.955.327	8.732.955.327
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	212.982.881
Tổng nợ phải trả	-	8.732.955.327	8.945.938.208

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.982.744.422	28.746.711.442	63.729.455.864
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	46.058.243.290	40.102.041.103	86.160.284.393
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(11.075.498.868)	(11.355.329.661)	(22.430.828.529)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	12.784.786.898	-	12.784.786.898
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.143.598.034	939.739.956	2.083.337.990
Số dư cuối năm			
Tài sản bộ phận	130.085.254.440	11.798.109.924	141.883.364.364
Tài sản không phân bổ			833.966.066
Tổng tài sản	130.085.254.440	11.798.109.924	142.717.330.430
Nợ phải trả bộ phận	17.085.365.447	14.039.723.826	31.125.089.273
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8.686.148.294
Tổng nợ phải trả	17.085.365.447	14.039.723.826	39.811.237.567

03. Tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.041.550.842	833.966.066	2.041.550.842	833.966.066
Phải thu khách hàng	2.434.710.230	3.707.827.566	1.487.141.749	1.397.204.426
Các khoản cho vay	28.306.000.000	-	28.306.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.671.673.178	4.084.281.087	42.605.046	1.539.061.758
Cộng	34.453.934.250	8.626.074.719	31.877.297.637	3.770.232.250
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.383.225.978	7.938.522.432	2.383.225.978	7.938.522.432
Vay và nợ	-	4.544.302.841	-	4.544.302.841
Các khoản phải trả khác	2.278.310.593	3.706.471.244	2.223.310.593	3.706.471.244
Cộng	4.661.536.571	16.189.296.517	4.606.536.571	16.189.296.517

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính cho của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	2.383.225.978	-	2.383.225.978
Vay và nợ	-	-	-
Chi phí phải trả	55.000.000	-	55.000.000
Các khoản phải trả khác	2.223.310.593	-	2.223.310.593
Cộng	4.661.536.571	-	4.661.536.571
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	7.938.522.432	-	7.938.522.432
Vay và nợ	4.544.302.841	-	4.544.302.841
Chi phí phải trả	70.000.000	-	70.000.000
Các khoản phải trả khác	3.636.471.244	-	3.636.471.244
Cộng	16.189.296.517	-	16.189.296.517

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương